

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-ST  
Ngày 31-3-2021  
*Về việc tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Ngọc Thanh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Tịnh và bà Hoàng Thị Thanh;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Kim Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Anh Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 31-3-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST-DS ngày 09-9-2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-DS ngày 21-12-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02A/2021/QĐST-DS ngày 12-01-2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2021/QĐST-DS ngày 29-01-2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Muôn H – Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Muôn H:* Ông Lý Ngọc T - Có mặt.

Địa chỉ: Số 158 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Đăk Mil, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

**- Bị đơn:** Bà Đặng Thị Mộng M và ông Trần Trung N – Điều vắng mặt, đã làm thủ tục niêm yết hợp lệ.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện ngày 02-9-2020 (BL 04) của nguyên đơn bà Trần Thị Muôn H trình bày:**

Vào ngày 01-01-2020, bà Trần Thị Muôn H có cho bà Đặng Thị Mộng M và ông Trần Trung N vay số tiền 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*) và 01 cây 02 vàng 9999 (vàng 24K), ông N và bà M có nghĩa vụ trả số tiền và

vàng đã vay vào ngày 01-3-2020. Khi vay thì 02 bên có lập giấy vay tiền và thỏa thuận lãi suất là 1,5%/01 tháng đối với khoản tiền vay là 210.000.000 đồng. Khi đến hạn, ông N và bà M không trả nợ cho bà H như thỏa thuận. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết tuyên buộc bà M và ông N phải trả 01 cây 02 vàng 9999 (vàng 24K) cùng số tiền 210.000.000 đồng và lãi trong hạn 6.300.000 đồng, lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật là 10%/01 năm (đối với khoản nợ 210.000.000 đồng) kể từ ngày 02-3-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Đối với bị đơn bà Đặng Thị Mộng M và ông Trần Trung N:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục xác minh nơi cư trú, hiện tại cả bà M và ông N đều có mặt tại địa phương, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng đối với bà M và ông N theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bà M và ông N vẫn không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án, nên không đưa ra ý kiến gì trình bày.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Muôn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03-4-2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Muôn H, buộc vợ chồng bà Đặng Thị Mộng M và ông Trần Trung N cùng có trách nhiệm trả cho bà H 01 cây 02 vàng 9999 (vàng 24K), số tiền 210.000.000 đồng và lãi trong hạn 6.300.000 đồng, lãi quá hạn là 22.659.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định: Bà Đặng Thị Mộng M và ông Trần Trung N phải chịu án phí, chi phí giám định theo quy định pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bà Trần Thị Muôn H khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị Mộng M và ông Trần Trung N phải trả 01 cây 02 vàng 9999 (vàng 24K) cùng số tiền 210.000.000 đồng và lãi trong hạn 6.300.000 đồng, lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật là 10%/01 năm phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự. Vì vậy, Hội đồng

xét xử xác định quan hệ trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, bà M và ông N có địa chỉ tại thôn Đ, xã K, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 01-01-2020, bà M và ông N vay của bà H 01 cây 02 vàng 9999 (vàng 24K) và số tiền 210.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 02 tháng (tức là ngày 01-3-2020). Ngày 02-9-2020, bà H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil là còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.3]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà M và ông N không hợp tác lên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil làm việc. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ cho bà M và ông N nhưng cả bà M và ông N vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 209 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà M và ông N.

[1.4]. Tại phiên tòa, bị đơn bà M và ông N dù được niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà M và ông N với bà H là hoàn toàn có thật, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil (bản gốc hợp đồng vay tài sản đề ngày 01-01-2020) thể hiện: Bà M và ông N có vay của bà H 01 cây 02 vàng 9999 (vàng 24K) và số tiền 210.000.000 đồng, có chữ ký của bà M và ông N, phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dân sự. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán bà M và ông N không trả tiền gốc, tiền lãi suất trong hạn 6.300.000 đồng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự:

*“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

[2.2]. Tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03-4-2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng. Hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng, sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán. Do đó, bà M và ông N vay 01 cây 02 vàng 9999 (24K) được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử vụ án (ngày 31-3-2021) là 5.200.000 đồng/01 chỉ vàng 9999 (vàng 24K).

[2.3]. Tại kết luận giám định số 29/GĐTL-PC09 ngày 08-3-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Nông đã kết luận như sau:

Chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Thị Mộng M dưới mục: Bên B trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A*) so với chữ ký, chữ viết của Đặng Thị Mộng M trên tài liệu mẫu (*ký hiệu từ M1 đến M5*) là do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Trung N dưới mục: Bên B trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A*) so với chữ ký, chữ viết của Trần Trung N trên tài liệu mẫu (*ký hiệu từ M1 đến M5*) là do cùng một người ký, viết ra.

[2.4]. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/01 năm. Như vậy, đối với số tiền 210.000.000 đồng kể từ ngày 02-3-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31-3-2021) là 13 tháng, cụ thể:

$210.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / 01 \text{ tháng} \times 13 \text{ tháng} = 22.659.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi suất theo thỏa thuận và tiền lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là: 210.000.000 đồng + 6.300.000 đồng + 22.659.000 đồng = 238.959.000 đồng.

[3]. Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Muôn H, buộc bà Đặng Thị Mộng M và ông Trần Trung N phải có trách nhiệm trả cho bà H 01 cây 02 vàng 9999 (vàng 24K) và tổng số tiền là 238.959.000 đồng.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 238.959.000 đồng + 01 cây 02 vàng 9999 (vàng 24K)  $\times 5.200.000 \text{ đồng} / 01 \text{ chỉ} = 62.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.067.950 \text{ đồng}.$  Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà M và ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.067.950 đồng. Trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.668.950 đồng.

[6]. Về chi phí giám định: Việc bà H yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết là có căn cứ nên bà M và ông N phải chịu 5.000.000 đồng. Do bà H đã nộp tạm ứng nên bà M và ông N phải hoàn trả lại cho bà H số tiền 5.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, khoản 3 Điều 209, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03-4-2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Muôn H.

Buộc bà Đặng Thị Mộng M và ông Trần Trung N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Muôn H 01 (Một) cây 02 (Hai) vàng 9999 (vàng 24K) và tổng số tiền là 238.959.000 đồng (*Hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*), tiền lãi suất theo thỏa thuận là 6.300.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) và tiền lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 22.659.000 đồng (*Hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị Muôn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đặng Thị Mộng M và ông Trần Trung N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì áp dụng áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự trong giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đặng Thị Mộng M và ông Trần Trung N phải nộp số tiền 15.068.000 đồng (*Mười lăm triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị Muôn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.668.950 đồng (*Năm triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm năm mươi đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003545 ngày 09-9-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

3. Về chi phí giám định: Căn cứ Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Đặng Thị Mộng M và ông Trần Trung N phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Do bà Trần Thị Muôn H đã nộp tạm ứng nên bà Đặng Thị Mộng M và ông Trần Trung N phải hoàn trả lại cho bà Trần Thị Muôn H số tiền 5.000.000.đồng (*Năm triệu đồng*).

4. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Mil;
- Chi cục THA.DS huyện Đăk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Trương Ngọc Thanh**